**TRƯỜNG THCS YÊN THƯƠNG**

**PHIẾU BÀI TẬP MÔN TIẾNG ANH 6**

**I. Lý thuyết**

- Học thuộc lòng các cấu trúc sau:

**Các từ để hỏi trong Tiếng Anh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Who (Ai) (Chức năng chủ ngữ) | Whom (Ai)(Chức năng tân ngữ) | What (cái gì) | Whose (Của ai) |
| Where (Ở đâu) | Which (Cái nào) (Hỏi về sự lựa chọn) | When (Khi nào) | Why (Tại sao) |
| How (Thế nào) | How much (Bao nhiêu, giá tiền, số lượng) | How many (Bao nhiêu, số lượng) | How long (Bao lâu) |
| How far (Bao xa) | How old (Bao nhiêu tuổi) | How often (Thường xuyên thế nào) | What time (Mấy giờ) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dạng** | **Cấu trúc** | **Chú ý** |
| Dạng 1: Câu hỏi tân ngữ | Wh – work + auxiliary + S + V + (object)?  Ví dụ:  - Where do you live?  - What are you doing?  - Whom do you meet this morning?  - Who are you going with? | - Object là danh từ, đại từ đứng sau động từ hoặc giới từ. |
| Dạng 2: Câu hỏi bổ ngữ | Wh-word + to be + S + Complement?  Ví dụ:  - Where is John?  - Who are you?  - Whose is this umbrella?  - Who is the head of your school? | - Complement là danh từ hoặc tính từ  - động từ be chia theo chủ ngữ |
| Dạng 3: Câu hỏi chủ ngữ | Wh-word + V + object?  Ví dụ:  - Who lives in London with Daisy?  - Who teaches you English?  - Who is opening the door?  - Which is better?  - What caused the accident? | - Động từ chính luôn được chia theo ngôi thứ ba số ít |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Liên từ đẳng lập** | **Liên từ phụ thuộc** |
| Chức năng | Dùng để nối các từ, cụm từ cùng một loại, hoặc các mệnh đề ngang hàng nhau (tính từ với tính từ, danh từ với danh từ…) | Dùng để nối cụm từ, nhóm từ  Hoặc mệnh đề có chức năng khác nhau – mệnh đề phụ với mệnh đề chính trong câu. |
| Vị trí | - Luôn luôn đứng giữa 2 từ hoặc 2 mệnh đề mà nó liên kết.  - nếu nối các mệnh đề độc lập thì luôn có dấu phảy đứng trước liên từ. | - Thường đứng đầu mệnh đề phụ.  - Mệnh đề phụ thuộc có thể đứng trước hoặc sau mệnh đề chính nhưng phải luôn được bắt đầu bằng một liên từ. |
| Các liên từ | - Chỉ sự thêm vào: and (và)  - Chỉ sự tương phản đối lập: but (nhưng)  - Chỉ kết quả: so (vì vậy, cho nên)  - Chỉ sự lựa chọn: or (hoặc) | - Chỉ nguyên nhân, lí do; because (Bởi vì)  - Chỉ hai hành động trái ngược nhau về mặt loogic: although (mặc dù) |
| Ví dụ | - I’ll come and see you soon.  - His mother won’t be there, but his father might.  - It is raining, so I can’t go camping | - Last night we came late because it rained heavily.  - Although the car is old, it is still reliable. |

**Dạng thức của quá khứ đơn.**

a. Với động từ “to be” (was/were)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể khẳng định** |  | **Thể phủ định** |
| **I/He/She/It**  Danh từ số ít | Was + danh từ/tính từ | Was not/wasn’t + danh từ/tính từ |
| **You/We/They**  Danh từ số nhiều | Were + danh từ/tính từ | Were not/weren’t + danh tiwf/tính từ |
| Ví dụ:  -He was tired. (Anh ấy đã rất mệt.)  -They were in the room.( Họ đã ở trong phòng.) |  | Ví dụ:  -He wasn’t at school yesterday.( Hôm qua anh ấy không ở trường.)  -They weren’t in the park.(Họ không ở trong công viên.) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể nghi vấn** |  | **Câu trả lời ngắn** |
| **Was + I/He/She/It**  Danh từ số ít | + danh từ/tính từ | Yes ( No ) +I/She/He/It + was (wasn’t) |
| **Were + You/We/They**  Danh từ số nhiều | Yes (No) + You/We/They + were (weren’t) |
| Ví dụ:  -Were they tired yesterday? ( Hôm qua họ đã mệt phải không?   * Yes, they were/No, they weren’t.   -Was he at home?   * Yes, he was/No, he wasn’t |  |

**Lưu ý:**

Khi chủ ngữ câu hỏi là “you” (bạn) thì câu trả lời phải dùng “I” (tôi) để đáp lại.

b.Với động từ thường (Verbs/V)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thể khẳng định** |  | **Thể phủ định** | |
| I/You/We/They  Danh từ số nhiều | + V-ed | I/You/We/They  Danh từ số nhiều | +did not/didn’t + V nguyên mẫu |
| He/She/It  Danh từ số ít | He/She/It  Danh từ số ít |
| Ví dụ:  -She went to school yesterday.( Hôm qua cô ấy đã đi học.)  -He worked in this bank last year.( Năm ngoái anh ấy đã làm việc ở ngân hàng.) | Ví dụ:  -My mum didn’t by me a computer last year. ( Mẹ tôi đã không mua cho tôi máy tính mới năm ngoái.)  -He didn’t met me last night.( Anh ấy không gặp tôi tối qua.)  -Mr. Nam didn’t watch TV with me.(Ông Nam đã không xem TV với tôi.) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thể nghi vấn** | | | **Câu trả lời ngắn** | | |
| Did | I/You/We/They  Danh từ số nhiều  He/She/It  Danh từ số ít | +V nguyên mẫu? | Yes  No | I/You/We/They/Danh từ số nhiều  He/She/It/Danh từ số ít | Did.  Didn’t |
| Ví dụ:  -Did she work there?( Có phải cô ấy làm việc ở đó không?)  Yes she dis/No she didn’t  -Did you go to Hanoi last month? ( Có phải bạn đi Hà Nội tháng trước không?)  Yes, I did/No, I didn’t | | | | | |

c.Wh-question

Khi đặt câu hỏi có chứa **Wh-word** ( từ để hỏi) như **Who, What, When,Where, Why, Which, How,** ta đặt chúng lên dầu câu. Tuy nhiên khi trả lời cho dạng câu hỏi này, ta không dùng Yes/No mà cần đưa ra câu trả lời trực tiếp.

**Cấu trúc:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Wh-word + was/were + S?** | **Wh-word + did + S + V?** |
| Ví dụ:  -Where were they? (Họ đã ở đâu thế?)  -They were in the playground. (Họ ở trong sân chơi.) | Ví dụ:  -What did Ba do at the weekend? (Ba đã làm gì vào cuối tuần?)  -He studied English. (Cậu ấy học tiếng Anh.) |

**3. Dấu hiệu nhận biết**

- Trong câu ở thì quá khứ đơn thường có sự xuất hiện của các trangj từ chỉ thời gian như:

-yesterday (hôm qua)

-last night/week/month/…(Tối qua/tuần trước/tháng trước/…)

-ago (cách đây), (two hours ago: cách đây 2 giờ/two weeks ago: cách đây hai tuần…)

-in + thời gian trong quá khứ (eg:in 1990)

-when: khi (trong câu kể)

**4. Cách thêm –ed vào sau động từ**

a. Trong câu ở thì quá khứ đơn, động từ bắt buộc phải thêm đuôi –ed. Dưới đây là các quy tắc khi thêm đuôi –ed vào động từ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thêm “ed” vào đằng sau hầu hết các động từ | Ví dụ | Want – wanted | Finish – finished |
| Look - looked | Help - helped |
| Động từ kết thúc bằng đuôi “e” hoặc “ee” chúng ta chỉ việc thêm “d” vào cuối độn từ. | Ví dụ | Live - lived | Agree - agreed |
| Love - loved | Believe - believed |
| Đối với động từ tận cùng là “y”  + Nếu trước “y” là một nguyên âm (u,e,o,a,i), ta thêm “ed” bình thường.  + Nếu trước “y” là một phụ âm ta đổi “y” thành “i+ed” | Ví dụ | Play - played | Study - studied |
| Stay - stayed | Worry – worried |
| Enjoy - ẹnoyed | Marry – married |
| Động từ một âm tiết, tận cùng bằng một nguyên âm + một phụ âm ( trừ những từ kết thúc bằng h,w,x,y), ta phải gấp đôi phụ âm trước khi thêm “ed” | Ví dụ | Stop – stopped | Fit - fitted |
| Plan - planned |  |

b. Động từ bất quy tắc

- Là những động từ được chia ở cột 2 trong “Bảng động từ bất quy tắc” (học thuộc lòng)

Ví dụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| V | V- ed | Nghĩa |
| go | went | Đi |
| have | had | Có |
| Teach | taught | Dạy |
| buy | bought | mua |
| drink | drank | Uống |

**- Học thuộc lòng các từ mới sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **New words** | **Meaning** |
| athlete /ˈæθliːt/(n) | vận động viên |
| career /kəˈrɪə(r)/ (n.) | nghề nghiệp, sự nghiệp |
| congratulation  /kənˌɡrætʃuˈleɪʃn/ (n.) | sự chúc mừng |
| elect  /ɪˈlekt/ (v.) | lựa chọn, bầu chọn |
| equipment  /ɪˈkwɪpmənt/ (n.) | thiết bị, dụng cụ |
| goggles /ˈɡɒɡlz/(n.) | kính (để bơi) |
| racket /ˈrækɪt/ (n.) | cái vợt (cầu lông, quần vợt…) |

**II. Bài tập**

**Bài 1:Cho dạng đúng của từ quá khứ đơn, dùng bảng động từ bất quy tắc nếu cần.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **V** | **V-ed** | **V** | **V-ed** |
| Meet (gặp) |  | Enjoy (thích) |  |
| Help (giúp đỡ) |  | Drive (lái xe) |  |
| Speak (nói) |  | Plan (kế hoạch) |  |
| Live (sống) |  | Put (đặt) |  |
| Write (viết) |  | Stop (dừng lại) |  |
| Study (học) |  | Sing (hát) |  |
| Do (làm) |  | Agree (đồng ý) |  |
| Cry (khóc) |  | Sit (ngồi) |  |
| Stand (đứng) |  | Borrow (mượn) |  |
| Play (chơi) |  | Run (chạy) |  |
| Stay (ở) |  | Begin(bắt đầu) |  |
| Ask (hỏi) |  | Break (làm vỡ) |  |
| Laugh (cười) |  | Bring (mang theo) |  |
| Try (cố gắng) |  | Build (xây) |  |
| Tidy (dọn dẹp) |  | Buy (mua) |  |

**Bài 2: Điền was/were vào chỗ trống:**

1. The teacher\_\_\_\_\_\_\_\_\_nice.

2. The students\_\_\_\_\_\_\_\_\_clever.

3. But one student\_\_\_\_\_\_\_\_\_in trouble.

4. We\_\_\_\_\_\_\_\_\_for him.

5. He\_\_\_\_\_\_\_\_\_nice though.

6. I\_\_\_\_\_\_\_\_\_Canberra last spring.

7. We\_\_\_\_\_\_\_\_\_at school last Saturday.

8. Tina\_\_\_\_\_\_\_\_\_at home yesterday.

9. He\_\_\_\_\_\_\_\_\_happy.

10. Robert and Stan\_\_\_\_\_\_\_\_\_Garry’s friends.

11. You\_\_\_\_\_\_\_\_\_very busy on Friday.

12. They\_\_\_\_\_\_\_\_\_in front of the supermarket.

13. I\_\_\_\_\_\_\_\_\_in the museum.

14. She\_\_\_\_\_\_\_\_\_in South Africa last month.

15. Jessica and Kimberly\_\_\_\_\_\_\_\_\_late for school.

**Bài 3:Viết các câu sau ở thể khẳng định (+), thể phủ định (-), thể nghi vấn (?)**

1. (+)He wrote a book.

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

2. (+)She was my boss.

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

3. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)They didn’t build a new house.

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

4. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)I wasn’t at the concert last Sunday.

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

5. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)Did you buy clothes in this clothes shop?

6. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)Were they born in Korea?

7. (+)He swam in the lake.

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

8. (+)We were at the gym last week.

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

9. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)She didn’t go to her office by car.

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

10. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)He wasn’t a good buy.

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Bài 4. Chọn đáp án đúng (A, B, C hoặc D) để điền vào chỗ trống**

1.They\_\_\_\_\_\_\_\_\_the bus yesterday.

A. don’t catch B. weren’t catch C. didn’t catch D. not catch

2. My sister\_\_\_\_\_\_\_\_\_home last night.

A. comes B. come C. came D. was come

3. My father\_\_\_\_\_\_\_\_\_tired when I \_\_\_\_\_\_\_\_\_ home.

A. was – got B. is – get C. was – getted D. were – got

4. What\_\_\_\_\_\_\_\_\_you\_\_\_\_\_\_\_\_\_two days ago?

A. do – do B. did – did C. do – did D. did – do

5.Where\_\_\_\_\_\_\_\_\_your family\_\_\_\_\_\_\_\_\_on the summer holiday last year?

A. do – go B. does – go C.did – go D. did – went

6. We\_\_\_\_\_\_\_\_\_David in town a few days ago.

A. did see B. was saw C. did saw D. saw

7. It was cold, so I\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the window.

A. shut B.was shut C. am shut D.shutted

8. I\_\_\_\_\_\_\_\_\_to the cinema three times last week.

A.was go B. went C. did go D.goed

9.What\_\_\_\_\_\_\_\_\_you\_\_\_\_\_\_\_\_\_last weekend?

A.were/do B.did/did C.did/do D.do/did

10.The police\_\_\_\_\_\_\_\_\_on my way home last night.

A. was stop B.stopped C.stops D.stopping

11. The film wasn’t very good. I\_\_\_\_\_\_\_\_\_ it very much.

A.ẹnjoyed B.wasn’t enjoy C.didn’t ẹnjoyed D. didn’t enjoy

12.The bed was very uncomfortable. I\_\_\_\_\_\_\_\_\_sleep very well.

A.didn’t B.did C.wasn’t D.not

13. The window was opened and a bird\_\_\_\_\_\_\_\_\_into the room.

A.fly B. flew C. was flew D.did fly

14. I\_\_\_\_\_\_\_\_\_a lot of money yesterday. I\_\_\_\_\_\_\_\_\_an expensive dress.

A.spend/buy B.spent/buy C.spent/bought D.was spent/bought.

**Bài 5: Lựa chọn và điền dạng đúng của động từ quá khứ đơn:**

|  |
| --- |
| Teach cook want spend ring  Be sleep study go write |

1. She……….out with her boyfriend last night.

2. Laura……….a meal yesterday afternoon.

3. Mozart……….more than 600 pieces of music.

4. I……….tired when I came home.

5. The bed was very comfortable so they ……….very well.

6. Jamie passed the exam because he……….very hard.

7. My father……….the teenagers to drive when he was alive.

8. Dave……….to make a fire but there was no wood.

9. The little boy……….hours in his room making his toys.

10. The telephone……….several times and then stopped before I could answer it.

**Bài 6: Chuyển các câu sau về thì quá khứ đơn:**

1. We move to a new house.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

2. They bring a sandwich.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

3. He doesn’t do the homework.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

4. They sell cars.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

5. Does he visit his friends?

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

6. She buys a book.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

7. The teacher punishes the boy.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

8. The little girl laughs at the beggar.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

9. They know it.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

10. He does not tell the lie.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

11. They do not wait for anybody.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

12. Who teaches you English?

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

13. The mansons build the house.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

14. They invite us to their party.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

15. His manners disgust me.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

16. She sings a lovely song.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

17. It is time to start.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

18. He wants to kill the snake.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

19. His conduct surprises me.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

20. I want you to come with me.

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

**Bài 7: Trả lời các câu hỏi dưới đây dựa vào gợi ý trong ngoặc:**

1. What did he win? (the race)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

2. What did he eat? (spaghetti)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

3. What time did the film finish? (at ten o’clock)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

4. How did he feel? (happy)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

5. What did he look at? (the stars)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

6. Where did they go? (to the cinema)  
……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

7. What did he watch on TV? (cartoons)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

8. What time did he get up? (at seven)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

9. What did she play? (basketball)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

10. Where did she walk? (to school)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

11. Who did he see? (Maria)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

12. Where did he have breakfast? (in the garden)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

13. What did they want? (some chicken)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

14. When did they arrive? (in the morning)

……….……….……….……….……….……….……….……….……….……….

**Bài 8: Cho dạng đúng của từ trong ngoặc ở thì quá khứ đơn:**

1. Yesterday, I (go) ………. to the restaurant with a client.

2. We (drive) ……….around the parking lot for 20 minutes to find a parking space.

3. When he (arrive) ……….at the restaurant, the place (be) ……….full.

4. The waitress (ask) ……….us if we (have) ……….reservations.

5. I (say) ……….that he would come.

6. The waiter (tell) ……….us to come back in to hours.

7. My client and I slowly (walk) ……….back to the car.

8. We (stop) ………. at the grocery store and (buy) ……….some cakes.

9. My sister (get) ……….married last month.

10. Daisy (come) ……….to her grandparents’ house 3 days ago.

11. My computer (be) ……….broken yesterday.

12. He (buy) ……….me a big teddy bear on my birthday last week.

13. My friend (give) ……….me a bar of chocolate when I (be) ……….at school yesterday.

14. My children (not do) ……….their homework last night.

15. You (live) ……….here five years ago?

16. They (watch) ……….TV late at night yesterday.

17. (Be) ……….your friend at your house last weekend?

18. They (not be) ……….excited about the film last night.

19. Where (spend/you) ……….your last holiday?

20. I (visit) ……….lots of interesting places. I (be) ……….with two friends of mine.

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN GDCD 6**

**I/ LÝ THUYẾT**

*Xem lại nội dung các bài đã học và trả lời một số câu hỏi sau:*

**Câu 1.** Trình bày nội dung của các nhóm quyền cơ bản trong Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em? Mỗi nhóm quyền lấy 3 ví dụ cụ thể?

**Câu 2.** Là công dân Việt Nam em cần có trách nhiệm như thế nào với đất nước ? Lấy một vài ví dụ, tấm gương thực tế mà em biết ?

- Theo em, trường hợp nào sau đây là công dân Việt Nam ? Vì sao ?

+ Người dưới 18 tuổi.

+ Người phạm tội bị phạt tù.

+ Trẻ em bị bỏ rơi ở Việt Nam.

+ Người nước Đức sang Việt Nam công tác.

+ Người sinh ra ở Việt Nam nhập quốc tịch Nga.

**Câu 3.** Trình bày đặc điểm nhận biết và ý nghĩa của 3 loại hình biển báo giao thông sau : Biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển báo hiệu lệnh ? Mỗi loại biển báo vẽ 2 hình minh họa ?

**Câu 4.** Trình bày một số quy định về tham gia giao thông đường bộ mà em biết ? Theo em học sinh thường hay vi phạm những quy định nào khi tham gia giao thông ?

**II/ BÀI TẬP VẬN DỤNG**

**Câu 1/**Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em ra đời năm nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Năm 1989. | B. Năm 1998. | C. Năm 1990. | D. Năm 1991. |

**Câu 2/** Việt Nam là nước thứ bao nhiêu trên thế giới tham gia vào Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 | B. 2 | C. 3 | D. 4 |

**Câu 3.**Trẻ em khi sinh ra được tiêm vacxin viêm gan B miễn phí nói đến nhóm quyền nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhóm quyền bảo vệ. | B. Nhóm quyền sống còn. |
| C. Nhóm quyền phát triển. | D. Nhóm quyền tham gia. |

**Câu 4.** Người sử dụng lao động thuê học sinh D 12 tuổi để làm bốc vác hàng hóa. Người sử dụng lao động vi phạm nhóm quyền nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhóm quyền bảo vệ. | B. Nhóm quyền sống còn. |
| C. Nhóm quyền phát triển. | D. Nhóm quyền tham gia. |

**Câu 5.** Tại trường học em được tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ chào mừng các ngày kỉ niệm : 20/11, 26/3, 8/3. Các hoạt động đó nói đến nhóm quyền nào ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhóm quyền bảo vệ. | B. Nhóm quyền sống còn. |
| C. Nhóm quyền phát triển. | D. Nhóm quyền tham gia. |

**Câu 6.** Tại buổi sinh hoạt lớp, em đứng lên phát biểu quan điểm của mình về việc tổ chức cắm trại nhân dịp kỉ niệm 26/3. Trong tình huống này em đã sử dụng nhóm quyền nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhóm quyền bảo vệ. | B. Nhóm quyền sống còn. |
| C. Nhóm quyền phát triển. | D. Nhóm quyền tham gia. |

**Câu 7.** Trường hợp nào sau đây không là công dân nước CHXHCN Việt Nam ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Trẻ em bị bỏ rơi. | B. Trẻ em bị mất cha. |
| C. Người bị phạt tù chung thân. | D. Trẻ em là con nuôi. |

**Câu 8.** Người Việt Nam dưới 18 tuổi được gọi là công dân nước CHXNCN Việt Nam không?

A. Có vì người đó sinh ra tại Việt Nam.

B. Có vì người đó đủ tuổi theo quy định của pháp luật.

C. Không vì người đó không sinh ra tại Việt Nam.

D. Không vì người đó không đủ tuổi theo quy định của pháp luật.

**Câu 9.** Để phân biệt người Việt Nam và người nước ngoài ta căn cứ vào đâu?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Luật hôn nhân và gia đình. | B. Luật trẻ em. |
| C. Luât giáo dục. | D. Luật Quốc tịch Việt Nam. |

**Câu 10.** Loại giấy tờ nào đủ chứng minh em là công dân nước CHXHCN Việt Nam ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Giấy khai sinh. | B. Hộ chiếu. | C. Chứng minh thư. | D. Cả 3 đáp án. |

**Câu 11.** Các tội liên quan tới xâm phạm an ninh quốc gia như: gián điệp, phản bội tổ quốc, khủng bố…bị tước quyền công dân bao nhiêu lâu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 – 5 năm. | B. 2 – 3 năm. | C. 3 – 4 năm. | D. Cả đời. |

**Câu 12.** Hình tròn viền đỏ, nền màu trắng, trên nền có hình vẽ màu đen thuộc loại biển báo nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Biển báo cấm. | B. Biển báo nguy hiểm. | C. Biển hiệu lệnh. | D. Biển chỉ dẫn. |

**Câu 13.** Hình tam giác đều, viền đỏ, nền màu vàng, trên nền có hình vẽ màu đen thuộc loại biển báo nào ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Biển báo cấm. | B. Biển báo nguy hiểm. | C. Biển hiệu lệnh. | D. Biển chỉ dẫn. |

**Câu 14.** Trẻ em bao nhiêu tuổi được lái xe có dung tích xi lanh dưới 50 cm3?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. | B. Từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. |
| C. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. | D. Từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. |

**Câu 15.** Khi tắc đường, nhiều người đi xe máy có thói quen đi lên vỉa hè. Theo luật hiện hành, hành vi này bị xử phạt bao nhiêu ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. 30.000đ - 400.000đ. | B. 50.000đ - 400.000đ. |
| C. 60.000đ - 400.000đ. | D. 70.000đ - 400.000đ. |

**PHIẾU BÀI TẬP MÔN LỊCH SỬ 6**

**Câu 1**: Hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian** | **Tên cuộc khởi nghĩa** | **Người lãnh đạo** | **Diễn biến chính** | **Ý nghĩa** |
| 1 | Năm 40 |  |  |  |  |
| 2 | Năm 248 |  |  |  |  |
| 3 | Năm 542-602 |  |  |  |  |

**Câu 2:** So sánh hai nhà nước sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nhà nước Văn Lang** | **Nhà nước Âu Lạc** |
| Vùng cư trú |  |  |
| Cơ sở linh tế |  |  |
| Quan hệ xã hôi |  |  |

**Câu 3:** Vẽ sơ đồ bộ máy cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trước cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và sau cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (Nhà Hán, nhà Ngô)?

**Câu 4**: Em hãy nêu các nguồn tư liệu sử dụng trong nghiên cứu lịch sử? Cho biết để trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248) em sử dụng nguồn tư liệu nào?

**Câu 5:** Những chính sách triều đại phong kiến phương Bắc đã thục hiện để bóc lột nhân dân ta? Theo em, chính sách nào là thâm độc nhất? Vì sao?

**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP MÔN SINH**

**Môn: Sinh 6**

**Tuần nghỉ 1 (từ ngày 3/2-> 8/2)**

**Phần I: Trắc nghiệm: Em hãy chọn câu trả lời đúng nhất:**

**Câu 1:** Sinh sản hữu tính là hình thức sinh sản

A. Hình thành cá thể mới từ một phần cơ quan sinh sản.

B. Hình thành cá thể mới từ một phần của cơ quan sinh dưỡng

C. Có sự tham gia của cây bố và cây mẹ

D. Có sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái

**Câu 2:** Thụ phấn là hiện tượng:

A. Hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy B. Nhị, nhụy không chín cùng một lúc.

C. Hạt phấn bay từ cây này sang cây khác. D. Nhị, nhụy chín cùng một lúc.

**Câu 3:** Đặc điểm chính phân biệt quả khô và quả thịt là

A. Vỏ quả B. Hạt nằm trong quả

C. Thịt quả D. Cả A và C

**Câu 4:** Hạt gồm các bộ phận:

A. Vỏ, phôi, chất dinh dưỡng dự trữ. B. Vỏ, lá mầm, chồi mầm.

C. Vỏ, phôi nhũ, chồi mầm. D. vỏ, thân mầm, rễ mầm.

**Câu 5:** Tảo được xếp vào nhóm thực vật bậc thấp vì:

A. Có rễ giả B. Có thân giả C. Có lá giả D. Cả A, B và C

**Phần II: Tự luận**

**Câu 1:** Tìm những điểm giống và khác nhau giữa hạt của cây Hai lá mầm và hạt của cây Một lá mầm?

**Câu 2:** Đặc điểm của quả và hạt thích nghi với lối phát tán nhờ động vật, tự phát tán? Cho VD

**Tuần nghỉ 2 (từ ngày 10/2-> 15/2)**

**Phần I: Trắc nghiệm: Em hãy chọn câu trả lời đúng nhất:**

**Câu 1:** Để nhận biết một cây thuộc Dương xỉ căn cứ vào

A. Lá non cuộn tròn ở đầu lá B. Lá già xẻ thùy

C. Mặt dưới lá có các đốm nhỏ màu xanh đến nâu đậm D. Cả A và C

**Câu 2:** Hoa lưỡng tính là hoa có:

A. Cả nhị và nhụy B. Đài hoa và tràng hoa

C. Cuống hoa và đế hoa D. Nhị hoa và tràng hoa

**Câu 3:** Điền từ thích hợp vào chỗ trống

………… khi chín thì vỏ khô, cứng và mỏng. Có 2 loại quả khô:…….và….......

………… khi chín thì mềm, vỏ dày chứa đầy thịt quả. Quả gồm toàn thịt gọi là…............, quả có hạch cứng bọc lấy hạt gọi là…….......

**Phần II: Tự luận**

**Câu 1:** Cấu tạo của cây Rêu đơn giản như thế nào?

**Câu 2:** Than đá được hình thành như thế nào?

**Tuần nghỉ 3 (từ ngày 17/2-> 22/2)**

**Phần I: Trắc nghiệm: Em hãy chọn câu trả lời đúng nhất:**

**Câu 1:** Chất dinh dưỡng của hạt được dự trữ ở bộ phận nào?

A. Chồi mầm B. Thân mầm C. Rễ mầm D. Lá mầm hoặc phôi nhũ.

**Câu 2:** Quả và hạt có các cách phát tán như:

A. Nhờ động vật, nhờ con người B. Tự phát tán, phát tán nhờ gió.

C. Cả A và B D. Tự phát tán và nhờ con người

**Câu 3:** Bộ phận nào của hoa phát triển thành quả?

A. Vòi nhụy B. Đầu nhụy C. Noãn D. Bầu nhụy

**Câu 4:** Rêu được xếp vào nhóm thực vật bậc cao vì:

A. Có rễ giả B. Có thân giả C. Có lá giả D. Có thân, lá thật.

**Câu 5:** Để nhận biết một cây thuộc Dương xỉ căn cứ vào

A. Lá non cuộn tròn ở đầu lá B. Lá già xẻ thùy

C. Mặt dưới lá có các đốm nhỏ màu xanh đến nâu đậm D. Cả A và C

**Phần II: Tự luận**

**Câu 1:** Đặc điểm của quả và hạt thích nghi với lối phát tán nhờ gió, tự phát tán ? Cho VD?

**Câu 2:** Vì sao phải thu hoạch đỗ đen, đỗ xanh trước khi quả chín khô?

**Tuần nghỉ 4 (từ ngày 24/2-> 29/2)**

**I: Trắc nghiệm: Em hãy chọn câu trả lời đúng nhất:**

**Câu 1:** Nhóm quả gồm toàn quả hạch là :

a. Đu đủ, cà chua, chanh b. Cải, thìa là, chò

c. Mơ, xoài, cam d. Táo ta, xoài, mơ

**Câu 2:** Điểm giống nhau giữa rêu và dương xỉ là :

a. Có rễ, thân, lá thực sự b. Cây con mọc ra từ nguyên tản

c. Sinh sản bằng bào tử d. Trong thân có mạch dẫn

**Câu 3:** Những hoa có hạt phấn rơi trên đầu nhụy của chính hoa đó gọi là:

a. Hoa lưỡng tính. b. Hoa giao phấn.

c. Hoa đơn tính. d. Hoa tự thụ phấn.

**Câu 4:** Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Dương xỉ thuộc nhóm…………, là những thực vật đã có………..,rễ , lá thật và có mạch dẫn. Cơ quan sinh sản của Dương xỉ là ………….. Trong túi bào tử có chứa rất nhiều…………...Bào tử mọc thành …………….. và …………..mọc ra từ nguyên tản sau quá trình thụ tinh.

**Phần II: Tự luận**

**Câu 1:** So sánh đặc điểm cấu tạo của Rêu với Tảo?

**Câu 2:** So sánh cơ quan sinh dưỡng của cây rêu và cây dương xỉ, cây nào có cấu tấu tạo phức tạp hơn?

**NỘI DUNG ÔN TẬP ĐỊA LÍ LỚP 6**

**Tuần nghỉ 1 (3 – 9/2)**

**I. Trắc nghiệm.**

***Chọn đáp án đúng nhất trong các câu trả lời sau:***

**Câu 1. *Các loại khoáng sản như than đá, than bùn, dầu mỏ…thuộc loại khoáng sản nào?***

A. Năng lượng (nhiên liệu). B. Kim loại màu.

C. Kim loại đen. D. Phi kim loại.

**Câu 2. *Nguồn chính cung cấp hơi nước cho khí quyển là do đâu?***

A. Sông ngòi. B. Sinh vật. C. Ao, hồ. D. Biển và đại dương.

***Câu 3. Các tầng cao của khí quyển (lớp vỏ khí) có đặc điểm gì?***

A. Tập trung 90% không khí. B. Không khí cực loãng.

C. Tập trung phần lớn lớp ôdôn. D. Nằm trên tầng đối lưu.

***Câu 4. Trong tầng đối lưu của khí quyển, trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ giảm đi bao nhiêu 0C?***

A. 0,30C. B. 0,40C. C. 0,50C. D. 0,60C.

***Câu 5. Trên bề mặt Trái Đất có bao nhiêu đai khí áp cao?***

A. 2 đai. B. 3 đai C. 4 đai. D. 5 đai.

***Câu 6. Dựa vào bề mặt tiếp xúc bên dưới là đại dương hay đất liền, khối khí được chia thành mấy loại?***

A. 3 loại. B. 1 loại. C. 2 loại. D. 4 loại.

**II. Tự luận.**

Câu 1. Phân biệt thời tiết và khí hậu khác nhau như thế nào?

Câu 2.Khoáng sản là gì? Kể tên những cơ sở để phân loại khoáng sản? Dựa trên cơ sở đó khoáng sản được phân chia thành những loại nào? Nêu ví dụ?

Câu 3. Dường đồng mức là gì? Tại sao dựa vào đường đồng mức trên bản đồ, chúng ta có thể biết được hình dạng của địa hình?

-------------------------------------------

**NỘI DUNG ÔN TẬP ĐỊA LÍ LỚP 6**

**Tuần nghỉ 2 (10 – 16/2)**

**I. Trắc nghiệm.**

***Chọn đáp án đúng nhất trong các câu trả lời sau:***

***Câu 1. Tầng khí quyển nằm sát mặt đất là tầng nào?***

A. Tầng bình lưu. B. Tầng ion nhiệt.

C. Tầng đối lưu. D. Tầng cao của khí quyển.

***Câu 2. Trên Trái Đất có những đai khí áp nào?***

A. Khí áp cao. B. Khí áp thấp.

C. Khí áp trung bình. D. Khí áp cao và khí áp thấp.

***Câu 3. Gió là gì?***

A. Là sức ép của khí quyển lên bề mặt Trái Đất.

B. Là sự chuyển động của không khí theo vĩ độ.

C. Là sự chuyển động của không khí từ Xích đạo đến cực.

D. Là sự chuyển động của không khí từ các khu khí áp cao về các khu khí áp thấp.

***Câu 4. Đơn vị dùng để đo khí áp là gì?***

A. m3. B. 0C. C. mm. D. mm thủy ngân.

***Câu 5. Dụng cụ để đo khí áp là gì?***

A. Thùng đo mưa. B. Khí áp kế. C. Nhiệt kế. D. Vũ kế.

***Câu 6. Thời tiết là sự biểu hiệncủa các hiện tượng khí tượng:***

A. Xảy ra trong một thời gian dài ở một nơi.

B. Xảy ra trong một thời gian ngắn nhất định ở một nơi.

C. Xảy ra khắp mọi nơi và lặp đi lặp lại nhiều lần.

D. Xảy ra khắp mọi nơi và không thay đổi.

**II. Tự luận.**

Câu 1. Thế nào là mỏ nội sinh và mỏ ngoại sinh? Nguyên nhân hình thành mỏ nội sinh và ngoại sinh là do đâu?

Câu 2. Phân loại và nêu công dụng các khoáng sản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên khoáng sản** | **Loại khoáng sản** | **Công dụng** |
| Apatit |  |  |
| Kẽm |  |  |
| Khí đốt |  |  |
| Mangan |  |  |

Câu 3. Mỏ than được hình thành như thế nào?

----------------------------------------------

**NỘI DUNG ÔN TẬP ĐỊA LÍ LỚP 6**

**Tuần nghỉ 3 (17 – 23/2)**

**I. Trắc nghiệm.**

***Chọn đáp án đúng nhất trong các câu trả lời sau:***

***Câu 1. Những khoáng vật và các loại đá có ích được con người khai thác và sử dụng được gọi là gì?***

A. Khoáng sản. B. Tài nguyên. C. Mỏ khoáng sản. D. Cảnh quan.

***Câu 2.* Nối ý ở cột A với ý ở cột B sao cho phù hợp.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các khối khí (Cột A)** | **Đặc điểm (Cột B)** |
| 1. Khối khí nóng | A. Hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô. |
| 2. Khối khí lạnh | B. Hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao. |
| 3. Khối khí lục địa | C. Hình thành trên biển và đại dương, mang tính chất ẩm. |
| 4. Khối khí đại dương | D. Hình thành trên các vùng vĩ độ cao, có nhiệt độ tư­ơng đối thấp. |
|  | E. Hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, mang tính chất ẩm lớn. |

***Câu 3****.* ***Nhiệt độ không khí thay đổi theo:***

A. Lượng mưa. B. Hướng gió.

C. Không gian. D. Độ cao, mức độ gần biển hay xa biển và vĩ độ địa lí.

***Câu 4. Dựa theo tính chất và công dụng, khoáng sản được chia thành mấy nhóm?***

A. 4 nhóm. B. 2 nhóm. C. 5 nhóm. D. 3 nhóm.

**II. Tự luận.**

Câu 1.Lớp vỏ khí được chia thành mấy tầng? Kể tên các tầng của lớp vỏ khí và nêu vị trí, đặc điểm của tầng đối lưu?

Câu 2. Tại sao con người cần khai thác, sử dụng khoáng sản một cách tiết kiệm và hợp lí?

Câu 3. Khi nào khối khí bị biến tính?

***--------------------------------------------***

**NỘI DUNG ÔN TẬP ĐỊA LÍ LỚP 6**

**Tuần nghỉ 4 (24 – 1/3)**

**I. Trắc nghiệm.**

***Chọn đáp án đúng nhất trong các câu trả lời sau:***

***Câu 1. Khí quyển (lớp vỏ khí) gồm mấy tầng?***

A. 3 tầng. B. 1 tầng. C. 4 tầng. D. 2 tầng.

**Câu 2. *Tỉ lệ khí Ôxi trong khí quyển là bao nhiêu?***

A. 28%. B. 21%. C. 1%. D. 78%.

***Câu 3. Các hiện tượng khí tượng như: mây, mưa, sấm, chớp…hầu hết xảy ra ở tầng nào của lớp khí quyển (lớp vỏ khí)?***

A. Tầng bình lưu. B. Tầng đối lưu.

C. Tầng cao của khí quyển. D. Tầng nhiệt.

***Câu 4. Tỉ lệ khí Nitơ trong khí quyển là bao nhiêu?***

A. 1%. B. 21%. C. 28%. D. 78%.

***Câu 5. Các tầng cao của khí quyển (lớp vỏ khí) có đặc điểm gì?***

A. Nằm trên tầng đối lưu. B. Không khí cực loãng.

C. Tập trung phần lớn lớp ôdôn. D. Tập trung 90% không khí.

***Câu 6. Tầng khí quyển nằm sát mặt đất là tầng nào?***

A. Tầng đối lưu. B. Tầng bình lưu.

C. Tầng ion nhiệt. D. Tầng cao của khí quyển.

**II. Tự luận.**

Câu 1. Tại sao lại có sự khác nhau giữa khí hậu đâị dương và khí hậu lục địa?

Câu 2. Tại sao không khí trên mặt đất không nóng nhất vào lúc 12 giờ trưa (lúc bức xạ mặt trời mạnh nhất) mà lại nóng nhất vào lúc 13 giờ?

Câu 3. Để tính nhiệt độ trung bình tháng và trung bình năm người ta đã tính như thế nào?

**CÂU HỎI ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 6**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tuần từ | Lí thuyết | Bài tập trong sách bài tập |
| 3/2 đến 9/2/2020 | + Quy tắc dấu ngoặc  + Quy tắc chuyển vế  + Nửa mặt phẳng | 8.1; 8.2; 8.3 (T81)  9.1; 9.2 (T82)  1.1; 1.2; 1.3 (T81, 82) |
| 10/2 đến 16/2/2020 | + Nhân hai số nguyên khác dấu  + Nhân hai số nguyên cùng dấu  + Góc  + số đo góc | 10.1; 10.2; 10.3; (T85)  11.1; 11.2 (T87)  2.1; 2.2; 2.3 (T823)  3.1; 3.2 (T85, 86) |
| 17/2 đến 23/2/2020 | + Tính chất của phép nhân  + Bội ước của một số nguyên  + Khi nào thì góc xoy + góc yoz = góc xoz | 12.1; 12.2; 12.3 (T89)  13.1; 13.2; 13.3 (T92)  4.1; 4.2; 4.3 (T88) |
| 24/2 đến 29/2/2020 | + Mở rộng khái niệm về phân số  + Hai phân số bằng nhau  + Vẽ góc cho biết số đo | 12; 13; 14; 16 (T6, 7)  21; 22; 23 (T8)  51; 52; 53 (T90) |

**PHIẾU BÀI TẬP MÔN MỸ THUẬT**

**Tuần 3 ( 17/2 – 23/2)**

Khối 6: Vẽ tranh đề tài “ Ngày tết và mùa xuân”.

PHIẾU BÀI TẬP MÔN NHẠC LỚP 6

1. Hát thuộc bài hát “ Niềm vui của em”. Tập hát thể hiện sắc thái của bài.
2. Ôn “ Tập đọc nhạc” số 6 ( Đọc nhạc kết hợp với gõ đệm theo phách, nhịp của bài)

**PHIẾU BÀI TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

1. **Học thuộc phần ghi nhớ các văn bản**: **Bài học đường đời đầu tiên, Sông nước Cà Mau, Bức tranh của em gái tôi, Vượt thác**
2. Học thuộc các bài thơ: **Đêm nay Bác không ngủ, Lượm.**
3. Tóm tắt VB: **Bài học đường đời đầu tiên, Bức tranh của em gái tôi , Buổi học cuối cùng**

**II. Viết đoạn văn 5- 7 câu về những nội dung sau**

1. Từ VB “**Bài học đường đời đầu tiên**”, em rút ra bài học gì cho bản thân?

# Từ VB “Bức tranh của em gái tôi”, em rút ra ra được bài học gì với thái độ ứng xử trước tài năng hay thành công của người khác

# Từ VB “ Sông nước Cà Mau”, em thấy mình phải làm gì để thể hiện tình yêu quê hương đất nước

**III. Viết các đoạn văn khoảng 7-10 câu với những nội dung sau:**

1.Ở đoạn cuối truyện, sau khi chôn cất Dế Choắt, Dế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nấm mồ của người bạn xấu số. Em thử hình dung tâm trạng của Dế Mèn và viết một đoạn văn diễn tả lại tâm trạng ấy theo lời Dế Mèn?

2.Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về vùng Cà Mau qua bài **Sông nước Cà Mau**

1. Từ bài **Sông nước Cà Mau** của Đoàn Giỏi, hãy viết một đoạn văn tả lại cảnh một dòng sông, hay khu rừng mà em đã có dịp quan sát
2. Viết một đoạn văn thuật lại tâm trạng của người anh trong truyện khi đứng trước bức tranh được giải nhất của em gái?
3. Giả định một thành viên trong lớp hoặc gia đình em đạt được thành tích xuất sắc nào đó. Em thử hình dung và tả lại thái độ của những người xung quanh trước thành tích ấy.
4. Dựa theo bài Vượt thác, hãy viết một đoạn văn từ ba đến năm câu tả dượng Hương Thư đưa thuyền vượt qua thác dữ; trong đoạn văn có sử dụng cả hai kiểu so sánh đã được giới thiệu.
5. Viết đoan văn tả quang cảnh lớp học trong giờ viết bài Tập làm văn
6. Viết đoan văn tả quang cảnh sân trường trong giờ ra chơi
7. Viết đoan văn tả quang cảnh hoàng hôn trên quê hương em

**IV.Lập dàn ý rồi viết thành bài văn các đề sau**

# Hãy tả lại hình ảnh cây đào hoặc cây mai vàng vào dịp Tết đến, xuân về

# Hãy miêu tả cây phượng vĩ và tiếng ve vào một ngày hè

# Em hãy viết thư cho bạn ở miền xa, tả lại khu phố hay thôn xóm, nơi mình ở vào một ngày mùa đông giá lạnh